

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; phát triển ngành nghề nông thôn và Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ Về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt Phương án thí điểm phát triển sản phẩm OCOP năm 2018 theo Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 47/TTr-VPĐPNTM ngày 17/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; phát triển ngành nghề nông thôn và Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã và thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TTTU, HỖND, UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD các CT MTQG tỉnh;
- Phòng, ban liên quan và UBND cấp xã (do UBND cấp huyện sao gửi);
- CPVP;
- Lưu VT, TH, KTTH, KTN.

E:\minh_tam\NTM\Nam 2018\Quyết định\09 19 ban hành Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ các hoạt động PT SX liên kết theo chuỗi giá trị.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trí Thanh

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; phát triển ngành nghề nông thôn và Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2834 /QĐ-UBND ngày 20 /9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Các xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Riêng Chương trình Mỗi xã một sản phẩm thực hiện ở tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã (HTX), liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là cơ sở) có sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Nhà nước các cấp trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 (viết tắt là *Chương trình NTM*) và nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách tỉnh bố trí để thực hiện các hoạt động/dự án: Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; phát triển ngành nghề nông thôn và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (sau đây gọi chung là *Dự án*).

Điều 2. Nguyên tắc, nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguyên tắc thực hiện

- Trong cùng một nội dung hỗ trợ, nếu một cơ sở được ngân sách Nhà nước hỗ trợ từ Quy định này thì không được hưởng hỗ trợ ngân sách Nhà nước từ các cơ chế, chính sách khác hoặc đã được hỗ trợ ngân sách Nhà nước từ các cơ chế, chính sách khác thì không được hỗ trợ kinh phí theo Quy định này.

- Đối tượng hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, dự án phát triển ngành nghề nông thôn phải đảm bảo các điều kiện theo quy định, phải xây dựng dự án và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối tượng được hưởng hỗ trợ từ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm phải làm hồ sơ đăng ký tham gia và phải đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định tại Chương trình này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình NTM;

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã bổ sung thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, phát triển ngành nghề nông thôn và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (*viết tắt là OCOP*).

Điều 3. Nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh

1. Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết (*chỉ áp dụng đối với xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị mới*) trong dự án liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, bao gồm: Chi phí khảo sát đánh giá chuỗi giá trị, tư vấn, nghiên cứu đề xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất - kinh doanh, xây dựng quy trình kỹ thuật (*sản xuất, chế biến, bảo quản*), phát triển thị trường. Mức hỗ trợ tối đa 100% theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó chi tiền công theo quy định tại Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (*viết tắt là Quyết định 07*). Chi công tác phí, hội thảo, hội nghị, học tập kinh nghiệm: Theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (*viết tắt là Nghị quyết 20*), Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (*viết tắt là Quyết định 3407*).

Các địa phương được thuê khoán cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với mục tiêu dự án để tư vấn xây dựng, viết dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và dự án ngành nghề nông thôn với mức chi không quá 4,7 triệu đồng/01 dự án (10 công), thanh toán sau khi dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý, quản trị chuỗi giá trị, phát triển thị trường; chi hội nghị, hội thảo; tham quan học tập kinh nghiệm; biên soạn tài liệu: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 20, Quyết định 3407; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính Quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan. Riêng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho đối tượng là nông dân, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại (*những đối tượng*

không được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) thì chi theo chính sách bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo tại Điều 27 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông (*viết tắt là Nghị định 83*) và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 83 của các Bộ, ngành và của tỉnh. Được sử dụng các báo cáo viên là nông dân nòng cốt đã qua các lớp đào tạo giảng viên (TOT), được chi trả thù lao và các chế độ liên quan theo mức chi báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp huyện.

3. Chi truyền thông, thông tin tuyên truyền; chi triển khai chu trình OCOP thường niên: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

- Chi truyền thông, thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, gồm: Chi nhuận bút, thù lao đối với tin, bài biên tập, đăng trên website, các báo, tạp chí, bản tin, tập san, chuyên san; tuyên truyền trên Đài Phát thanh - Truyền hình, thông tin lưu động, hội chợ triển lãm chuyên đề, sự kiện truyền thông; xây dựng và duy trì hoạt động cho Website của Chương trình OCOP; chi in ấn các tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền, xuất bản sách, sổ tay và các hoạt động khác có liên quan. Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ Quy định về nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh Ban hành quy định chế độ nhuận bút đối với các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, bản tin trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và theo quy định liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi triển khai chu trình OCOP thường niên: Gồm chi tư vấn triển khai, nhận ý tưởng, chi nước, tài liệu, hội trường, họp, thù lao cho Hội đồng đánh giá sản phẩm các cấp, xăng xe, công tác phí, hội thi và các chi phí liên quan khác. Nội dung và mức chi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 20, Quyết định 3407 và các quy định hiện hành; riêng chi thù lao cho Hội đồng đánh giá sản phẩm các cấp thực hiện theo Quyết định 07.

4. Chi hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ (*bao gồm các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và các chứng nhận chất lượng sản phẩm theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; sản xuất nông nghiệp hữu cơ*). Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

- Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm thủy sản áp dụng VietGAP, hữu cơ, GACP-WHO, ISO, HACCP theo dự toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó chi điều tra khảo sát thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC

ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; các chi phí phân tích theo mức phí của cơ quan có thẩm quyền.

- Đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP, hữu cơ, GACP-WHO, ISO, HACCP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn: Hỗ trợ tối đa 100% theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt; mức chi theo Khoản 2 Điều này.

- Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGap, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, GACP-WHO, ISO, HACCP: Hỗ trợ tối đa 100% được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ áp dụng tiên bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM): Ưu tiên xây dựng và nhân rộng các mô hình theo Khoản 3 Điều 8 Nghị định 83. Nội dung, mức hỗ trợ theo Khoản 1 (*trừ điểm đ, e*), Điều 29 Nghị định 83 theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá định mức tối đa cho dự án cấp xã thực hiện (*tối đa 300 triệu đồng*), dự án cấp huyện thực hiện (*tối đa 1.000 triệu đồng*) quy định tại Khoản 6 Điều này.

- Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại: Nội dung, mức hỗ trợ theo gạch (-) đầu dòng thứ 3 Khoản 9 Điều này.

5. Chi hỗ trợ tư vấn thiết kế bao bì, nhãn mác và mua bao bì, nhãn mác sản phẩm (*bao gồm bao bì: Giấy, carton, thủy tinh, đồ gốm, kim loại, gỗ, hàng dệt, mây, nứa, tre đan, vật liệu nhân tạo như chất liệu polyme, cao su nhân tạo, màng chất dẻo, bao bì nhựa cứng*): Hỗ trợ tối đa 100% nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

6. Chi hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu (*gồm: Các loại phân bón, thức ăn chăn nuôi, hóa chất (gồm thuốc bảo vệ thực vật/chế phẩm sinh học, vắc xin, hóa chất xử lý ao nuôi thủy sản)*) trong dự án sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo⁽¹⁾. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang⁽²⁾. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn đồng bằng⁽³⁾.

⁽¹⁾ Địa bàn khó khăn, huyện nghèo, gồm: Các xã thuộc huyện nghèo theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ; các xã khó khăn thuộc Chương trình 135 theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽²⁾ Địa bàn trung du miền núi, bãi ngang, gồm: Các xã thuộc các huyện miền núi thấp: Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn (*trừ các xã khó khăn thuộc Chương trình 135 theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ*); các xã khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ và các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng (*gồm các xã miền núi*

Cụ thể:

a) Đối với chuỗi sản xuất trong trồng trọt: Hỗ trợ cây giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật/chế phẩm sinh học.

b) Đối với chuỗi sản xuất trong chăn nuôi: Hỗ trợ con giống, thức ăn chăn nuôi; hỗ trợ tiền mua vắc xin và chi phí bảo quản vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh: Lở mồm long móng, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả lợn, cúm gia cầm.

c) Đối với chuỗi sản xuất trong lâm nghiệp (*hỗ trợ trồng cây lâm nghiệp, dược liệu, lâm sản ngoài gỗ*): Hỗ trợ cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật/chế phẩm sinh học.

d) Đối với chuỗi sản xuất trong nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ con giống, thức ăn, hóa chất cải tạo ao nuôi.

Các nội dung tại Điểm a, b, c, d nêu trên hỗ trợ theo quy mô thực tế (*về diện tích, số lượng vật nuôi và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành*) được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án đối với dự án liên kết theo chuỗi giá trị cấp xã thực hiện (*dự án thực hiện trên phạm vi 01 xã*); tối đa 1.000 triệu đồng/dự án đối với dự án liên kết theo chuỗi giá trị cấp huyện thực hiện (*dự án thực hiện trên phạm vi từ 02 xã trở lên*).

Trường hợp có nhiều hộ cùng tham gia dự án liên kết theo chuỗi giá trị thì tùy điều kiện của địa phương và nhu cầu của người dân, có thể hỗ trợ cho mỗi hộ từ 1 đến 3 lần (*bao gồm hỗ trợ giống và vật tư thiết yếu*) trong giai đoạn 2018-2020. Mức hỗ trợ cho từng hộ tham gia dự án liên kết chuỗi giá trị do UBND cấp xã quyết định (*nếu dự án thực hiện trên phạm vi 01 xã*) hoặc UBND cấp huyện quyết định (*nếu dự án thực hiện trên phạm vi từ 02 xã trở lên*) trên cơ sở quy mô, diện tích và điều kiện của từng hộ.

Riêng dự án liên kết theo chuỗi giá trị cấp tỉnh thực hiện (*dự án thực hiện trên phạm vi nhiều huyện*), trên cơ sở quy mô thực tế, UBND tỉnh sẽ phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án.

7. Chi hỗ trợ mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch; máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản sản phẩm: Mức hỗ trợ tối đa 100% nhưng không quá 250 triệu đồng/Dự án/cơ sở ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo; tối đa 70% nhưng không quá 200 triệu đồng/Dự án/cơ sở ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang; tối đa 50% nhưng không quá 150 triệu đồng/ Dự án/cơ sở ở địa bàn đồng bằng.

Riêng các HTX (*không áp dụng đối với các doanh nghiệp, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân*), ngoài nội dung hỗ trợ máy móc, thiết bị nêu trên, các HTX còn được hỗ trợ theo Khoản 20 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số

thuộc khu vực I, khu vực II ở các huyện đồng bằng theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽³⁾ Địa bàn đồng bằng, gồm: Các xã thuộc các vùng còn lại (*trừ các xã thuộc địa bàn khó khăn, huyện nghèo và địa bàn trung du miền núi, bãi ngang*).

37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh (cụ thể: Hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 200 triệu đồng/HTX để xây dựng sân phơi, nhà kho, nhà xưởng, trong đó đã bao gồm hệ thống điện nước trong nhà kho, nhà xưởng này, quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Ban hành một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 124/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh). HTX được hỗ trợ phải thành lập theo đúng Luật HTX 2012, có hoạt động phù hợp với đối tượng cây trồng, vật nuôi, ngành nghề nông thôn được hỗ trợ và phải có năng lực phù hợp với vai trò của HTX trong liên kết sản xuất. **ĐỐI VỚI** các HTX tham gia Chương trình OCOP có các hoạt động tạo ra sản phẩm, dịch vụ theo 6 nhóm được quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 **thì cũng được hỗ trợ theo các nội dung tại Khoản này.**

8. Chi hỗ trợ xây dựng/nâng cấp điểm bán hàng, trung tâm OCOP

- Hỗ trợ xây dựng/nâng cấp điểm bán hàng đối với cơ sở kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm (như siêu thị Mini Mart, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, shop,...) có hợp đồng liên kết với các cơ sở sản xuất tiêu thụ sản phẩm từ các dự án sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ngành nghề nông thôn, OCOP: Mức hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 100 triệu đồng/điểm bán hàng (trừ 03 điểm bán hàng đã được hỗ trợ theo Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh về Phê duyệt Phương án thí điểm phát triển sản phẩm OCOP năm 2018) để sửa chữa nhỏ, mua giá, kệ trưng bày sản phẩm, bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng và các hạng mục cần thiết, phù hợp khác bên trong điểm bán hàng. Hỗ trợ sau đầu tư sau khi có đầy đủ chứng từ theo quy định, biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và hợp đồng tiêu thụ sản phẩm (tổng giá trị hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các cơ sở sản xuất, hộ nông dân tối thiểu phải đạt từ 500 triệu đồng/năm trở lên).

- Hỗ trợ Trung tâm OCOP (khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng Trung tâm OCOP và quản lý sau này; ngân sách Nhà nước hỗ trợ để trang trí, bảng hiệu, cửa kính, tủ, giá, kệ, mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ Trung tâm OCOP, các nội dung khác có liên quan đầu tư cơ sở vật chất của Trung tâm OCOP nhưng không có tính chất xây dựng cơ bản):

+ Trung tâm OCOP cấp huyện: Mức hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng cho 1 Trung tâm OCOP cấp huyện.

+ Trung tâm OCOP cấp tỉnh: Mức hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 1.000 triệu đồng cho 1 Trung tâm OCOP cấp tỉnh.

* Các nội dung hỗ trợ nêu tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều này hỗ trợ sau đầu tư, khi có đầy đủ chứng từ theo quy định, biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

9. Chi hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, mở rộng thị trường

- Xây dựng câu chuyện sản phẩm: Mức hỗ trợ không quá 3 triệu đồng cho câu chuyện sản phẩm, với điều kiện sản phẩm đó tham gia Chương trình OCOP và đạt từ 3 sao trở lên.

- Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; hỗ trợ tư vấn; chi phí đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu (*bao gồm nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu cá nhân*) và hỗ trợ đăng ký chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa. Hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí các nội dung trên theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

Riêng đối với thiết kế logo/biêu trưng cho Chương trình OCOP Quảng Nam thì ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Các hoạt động xúc tiến thương mại: Hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung, mức hỗ trợ theo Điều 8 và Điều 9 Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Nam.

10. Chi hỗ trợ quản lý chất lượng, bảo hộ sở hữu thương hiệu

- Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, phân tích thành phần định lượng của hàng hoá theo quy định hiện hành của Nhà nước về nhãn hàng hoá theo mức phí của cơ quan có thẩm quyền quy định; tối đa 70% kinh phí thẩm định, điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm, được phẩm theo mức phí của cơ quan có thẩm quyền. Mức hỗ trợ các nội dung trên không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Mã vạch, mã QR Code (Quick Response Code), nhưng mức hỗ trợ tối đa 25 triệu đồng/cơ sở (*hoặc hỗ trợ bằng tem điện tử tương đương với mức hỗ trợ tối đa 25 triệu đồng*), với điều kiện sản phẩm đó có tham gia Chương trình OCOP và thi phân hạng đạt 03 sao trở lên.

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: Hỗ trợ tối đa 100% theo định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 03/7/2012 của UBND tỉnh Ban hành quy định về hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá và công bố hợp chuẩn, hợp quy; xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; thực hành nông nghiệp tốt (*VietGAP*); áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng; hoàn thiện, cải tiến, ứng dụng, đổi mới công nghệ; đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho các sản phẩm hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia; đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nước ngoài cho các sản phẩm hàng hóa chủ lực và xuất khẩu: Hỗ trợ tối đa 100% cho các nội dung nêu trên theo định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Đề án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh

ng nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2012-2020 và Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Sửa đổi Khoản 1, 2, 3 Điều 6 quy định hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Đề án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2012-2020” ban hành kèm theo Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh.

11. Chi hỗ trợ thành lập mới doanh nghiệp, HTX có phương án kinh doanh tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị/ngành nghề nông thôn/OCOP:

- Hỗ trợ thành lập mới doanh nghiệp (*chỉ áp dụng đối với địa bàn khó khăn, huyện nghèo*): Hỗ trợ tối đa 100% nhưng không quá 8 triệu đồng/doanh nghiệp (*để thực hiện các nội dung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến thành lập doanh nghiệp*).

- Hỗ trợ thành lập mới HTX, liên hiệp HTX: Mức hỗ trợ theo Điểm b, Khoản 9, Điều 2 Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh.

12. Đơn vị được giao triển khai thực hiện Dự án được sử dụng tối đa 5% tổng kinh phí thực hiện Dự án và tối đa 10% mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho Dự án để thực hiện các nội dung khảo sát, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, tổng kết. Cụ thể: Chi làm thêm giờ, xăng xe, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, photo tài liệu, thuê cán bộ kỹ thuật để chỉ đạo Dự án (*bằng mức lương tối thiểu theo vùng/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê*) và chi khác (*nếu có*).

13. Ngoài nội dung chi, mức chi nêu trên, doanh nghiệp, HTX, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm còn được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai; được áp dụng các chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết.

Điều 4. Lập, phân bổ, thanh quyết toán

1. Trên cơ sở nội dung, định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định này và mức vốn phân bổ hằng năm từ Chương trình NTM, ngành nghề nông thôn và Chương trình OCOP của UBND tỉnh, UBND cấp huyện, các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí lập Dự án, dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

2. Quy trình triển khai

- Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo các Bước quy định tại Phần II Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (*hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung*). Trường hợp UBND tỉnh có chủ trương phân cấp, ủy quyền thực hiện một số bước thì triển khai theo chủ trương của UBND tỉnh.

- Dự án phát triển ngành nghề nông thôn: Cơ quan, đơn vị được giao kinh phí lập Dự án, trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện (*đối với Dự án cấp tỉnh thực hiện thì UBND tỉnh phê duyệt; đối với Dự án cấp huyện, xã thực hiện thì UBND cấp huyện phê duyệt, UBND cấp huyện giao nhiệm vụ cho Phòng, ban liên quan thẩm định trước khi trình UBND cấp huyện phê duyệt*).

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Triển khai theo Chu trình OCOP quy định tại Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh. UBND cấp huyện giao cho 01 Phòng, ban có liên quan để triển khai việc hỗ trợ và thanh, quyết toán theo quy định hoặc phân bổ cho UBND cấp xã để thực hiện việc hỗ trợ và thanh, quyết toán theo quy định.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính (*hoặc Thông tư sửa đổi, bổ sung*). Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình NTM trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và đang triển khai thực hiện thì tiếp tục triển khai theo nội dung, mức hỗ trợ của Dự án được duyệt, không điều chỉnh theo nội dung quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các Dự án thuộc nguồn vốn Chương trình NTM đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang trong giai đoạn chuẩn bị thì được thực hiện điều chỉnh theo nội dung, mức hỗ trợ quy định tại Quyết định này kể từ ngày có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh: Chủ trì hướng dẫn các địa phương và đơn vị liên quan triển khai thực hiện; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện gắn với việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình NTM; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu phân bổ kế hoạch vốn từ Chương trình NTM, Chương trình OCOP, ngành nghề nông thôn, ngân sách tỉnh để thực hiện. Rà soát, ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật của cây trồng, con vật nuôi, thủy sản (*sửa đổi, bổ sung Quyết định số 321/QĐ-SNNPTNT ngày 21/6/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT*). Hướng dẫn mẫu thiết kế, trang trí chung cho các điểm bán hàng, trung tâm OCOP để thống nhất trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp từ Chương trình NTM, Chương trình OCOP, ngành nghề nông thôn, ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện các nội dung hỗ trợ tại Quyết định này.

- Hướng dẫn các Sở, ngành và địa phương thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được giao theo đúng quy định hiện hành.

3. Các Sở, ngành liên quan, Liên minh HTX tỉnh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp truyền thông, thông tin tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các nội dung quy định tại Quyết định này.

5. UBND cấp huyện; UBND các xã, phường, thị trấn (cấp xã):

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung và định mức hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện; phân công đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các Dự án; thực hiện nghiệm thu, quản lý chặt chẽ nguồn kinh phí hỗ trợ và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện nội dung hỗ trợ theo quy định.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã lập, trình phê duyệt kế hoạch đầu tư hỗ trợ hằng năm cho các Dự án theo đúng quy định; tổng hợp kế hoạch của các xã trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch chung của cấp huyện; tổ chức triển khai, nghiệm thu, đánh giá kết quả đảm bảo đúng quy trình quy định.

- Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện việc lập dự toán, quyết toán và kiểm tra phê duyệt quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước đối với nguồn vốn được giao theo quy định.

- Hằng năm, bố trí thêm ngân sách địa phương (*ngoài ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh*) để thực hiện các Dự án.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản về Văn phòng Điều phối NTM tỉnh để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trí Thanh